

Bản án số: 56/2024/HSST

Ngày: 24-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Lệ Thuỷ

Ông Đoàn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương- Là thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tuấn Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2024/TLST- HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Dương Thị X; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1960 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi thường trú: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Nơi ở hiện tại: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương H (Chết) và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo có hai con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Sơn Trà có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Văn C. Sinh năm: 1981. Nơi cư trú: K1068/02 đường N, Tổ 22 phường A, quận S, Tp Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị N. Sinh năm: 1988. Nơi cư trú: K1068/02 đường N, Tổ 22 phường A, quận S, Tp Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo là người giúp việc trong nhà của ông Trần Văn C. Vào khoảng 12 giờ ngày 03/3/2023, trong lúc đang dọn dẹp nhà kho ở tầng trệt của căn nhà tại số K1068/2 đường N, phường A, quận S thì bị cáo phát hiện 01 ba lô màu cam của ông C chứa vật dụng câu cá. Lúc này, bị cáo lục trong ba lô thì thấy có số tiền 63.000.000đồng được gói trong một bao ni lông màu đen, trong đó có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đồng, 200.000đồng và 100.000đồng của ông C nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tiền và lấy toàn bộ số tiền này đem cất giấu vào túi xách cá nhân của mình, đồng thời nghỉ việc tại nhà của ông C, bỏ vào thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó, bà Nguyễn Thị N là vợ của ông C đi chợ về không thấy bị cáo nên có gọi điện nhưng bị cáo không nghe máy. Sau đó bà N điện thoại cho ông C biết. Đến ngày 05/3/2023, ông C đi công tác về thì phát hiện số tiền bỏ trong ba lô của mình đã bị mất trộm, nghi ngờ bị cáo đã lấy trộm 63.000.000đồng nên liên hệ với bị cáo để hỏi nhưng không liên lạc được. Đến ngày 08/3/2023, bị cáo dùng số điện thoại 0914893453 gọi cho ông C, thừa nhận việc lấy trộm 63.000.000đồng của ông C và hứa hẹn sẽ hoàn trả số tiền này. Tuy nhiên, ông C không liên hệ được với bị cáo nên đến Công an phường An Hải Tây, quận Sơn Trà để trình báo sự việc.

Đến ngày 08/01/2024, bị cáo đến Công an xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng để đăng ký tạm trú thì bị Công an xã Phú Hội phát hiện bị cáo

đang bị Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà ra Quyết định truy tìm người số 09/31.5.2023 nên đã triệu tập bị cáo về trụ sở Công an xã Phú Hội làm việc và phối hợp bàn giao đối tượng cho Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà. Toàn bộ số tiền trộm cắp được, bị cáo đã tiêu xài hết.

*** Tang vật thu giữ:**

- 01 USB bằng kim loại, có vỏ nhựa màu đen có dòng chữ SonDisk loại 16GB chứa file video ghi hình cuộc nói chuyện qua điện thoại di động của ông Trần Văn C và bị cáo.

- Số tiền 1.500.000 đồng (tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam) do bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại vào ngày 21/01/2024.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn C không yêu cầu bồi thường gì về phần dân sự đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS- ST ngày 01/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Dương Thị X về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Qua xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa:

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Dương Thị X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt Dương Thị X từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trả cho ông Trần Văn C 1.500.000đồng do bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục một phần hậu quả. Đối với số tiền còn lại ông Trần Văn Cường không có yêu cầu nên không đề cập đến.

Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 01 USB bằng kim loại, có vỏ nhựa màu đen có dòng chữ SonDisk loại 16GB chứa file video ghi hình cuộc nói

chuyện qua điện thoại di động của ông Trần Văn C và bị cáo tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Tiếp tục quy trừ số tiền 1.500.000đồng thu giữ của bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo Dương Thị X thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Dương Thị X đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Sơn Trà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, xét lời khai nhận tội của bị cáo thấy phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cùng các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 03/3/2023, tại số nhà K1068/2 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 63.000.000đồng đựng trong ba lô màu cam của bị hại để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều c

Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo thấy hết sức liều lĩnh, mặc dù biết rõ xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật thì sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, do coi thường pháp luật, lười lao động nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân một cách dễ dàng và nhanh nhất nên bị cáo đã bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội nên cần phải xử lý thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa thái độ khai báo của bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả đã gây ra cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên căn cứ Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối hối.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có hành vi chiếm đoạt số tiền 63.000.000đồng của bị hại. Bị cáo đã nộp 1.500.000đồng để khắc phục một phần hậu quả đã gây ra cho bị hại. Bị hại đồng ý nhận số tiền 1.500.000đồng do bị cáo bồi thường, khắc phục một phần hậu quả và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 01 USB bằng kim loại, có vỏ nhựa màu đen có dòng chữ SonDisk loại 16GB chứa file video ghi hình cuộc nói chuyện qua điện thoại di động của bị hại và bị cáo tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ

án. Tiếp tục quy trừ số tiền 1.500.000đồng thu giữ của bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm dân sự cũng như xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Án phí HSST bị cáo Dương Thị X phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị X phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ Điều c Khoản 2, Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Dương Thị X 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/01/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự tuyên:

Buộc bị cáo Dương Thị X hoàn trả số tiền 1.500.000đồng đã chiếm đoạt cho bị hại ông Trần Văn C.

Tiếp tục quy trừ số tiền 1.500.000đồng do bị cáo nộp để khắc phục một phần hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2024 để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST bị cáo Dương Thị X phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng

mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. Sơn Trà, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. Sơn Trà, Tp Đà Nẵng;
- Công an quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Thy Tuyết

